

Thứ Năm ngày 19 tháng 9 năm 2024

TOÁN

TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC, SỐ LIỀN SAU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.
- Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2 – 3’) - GV cho HS hát, vận động tại chỗ - GV giới thiệu nội dung bài 2. Khám phá (13 – 15’): - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.10: - GV nêu bài toán: - GV nêu tình huống: Trên cây có các quả táo ở các vị trí khác nhau, mỗi quả táo ghi một trong các số 7, 0, 1, 6, 3, 2, 10, 4, 5, 8, 9. Làm thế nào để sắp xếp các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn. - Gọi HS nêu cách sắp xếp - GV: Rô-bốt đã sắp xếp được các số theo thứ tự từ bé đến lớn như hình sau. - Hỏi: + Số 1 lớn hơn số nào? + Những số nào bé hơn 5, những số nào lớn hơn 5? + Những số nào vừa lớn hơn 3 vừa bé hơn 6?..”	- HS hát kết hợp vận động theo lời bài hát. - HS lắng nghe - 2-3 HS trả lời. - Số 1 lớn hơn số 0 - $0,1,2,3,4 < 5$; $6, 7, 8, 9 > 5$

- Gọi HS trả lời và nhận xét. - GV giới thiệu tia số, những số đứng trước và đứng sau của 1 số gọi là số liền trước và số liền sau. - GV cho HS tự nêu được số liền trước, số liền sau của một số nào đó trên tia số. - Nhận xét, tuyên dương. 2.2. Hoạt động(13 - 15’): <i>Bài 1/11:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - GV hướng dẫn mẫu: Để tìm số liền sau, ta cộng thêm 1 vào số đó. - Cho HS làm cá nhân. - Gọi HS trả lời. - Nhận xét, tuyên dương. <i>Bài 2/11:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - GV lưu ý HS tính kết quả phép tính rồi mới nối với số trên tia số. - GV nêu số, phép tính và gọi HS lên đánh dấu vào số trên tia số tương ứng bằng phấn màu. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. <i>Bài 3/11:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - YC HS làm cá nhân. - Gọi HS nêu đáp án. GV chiếu đáp án chuẩn. - GV hỏi: + Muốn tìm số liền trước ta làm thế nào? + Muốn tìm số liền sau của một số ta làm thế nào?	- 4, 5 lớn hơn 3 và bé hơn 6. - HS lắng nghe, nhắc lại. - 1-2 HS trả lời. - 1-2 HS đọc. - HS nêu. - HS làm bài và chia sẻ. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS quan sát. - HS thực hiện làm bài cá nhân. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS làm SGK. - 2 -3 HS trả lời.
--	---

- GV nhận xét, khen ngợi HS. 3. củng cố, dặn dò (2 – 3): - Hôm nay em học bài gì? - Lấy ví dụ về phép tính cộng, nêu thành phần của phép tính cộng. - Nhận xét giờ học.	- HS nêu.
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Hai ngày 23 tháng 9 năm 2024

Tiết 6:

TOÁN **SỐ HẠNG, TỔNG**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được số hạng, tổng trong phép cộng.
- Tính được tổng khi biết các số hạng.

2. Năng lực:

- Năng lực tính toán, năng lực hợp tác.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác, cẩn thận học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy tính, tivi, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: (2 – 3’) Tìm số liền trước, liền sau của 56, 83 2. Dạy bài mới: 2.1. Khám phá: (10 – 13’) - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.13: + Nêu bài toán?	2,3 Học sinh thực hiện miệng ghi vở - 2-3 HS trả lời.

+ Nêu phép tính?

- GV nêu: 6 và 3 gọi là số hạng, kết quả 9 gọi là tổng; Phép tính $6+3$ cũng gọi là tổng.

- YCHS lấy thêm ví dụ về phép cộng, chỉ rõ các thành phần của phép cộng.

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV lấy ví dụ: *Cho hai số hạng: 10 và 14. Tính tổng hai số đó.*

+ Bài cho biết gì?

+ Bài YC làm gì?

+ Để tính tổng khi biết số hạng, ta làm như thế nào?

- GV chốt cách tính tổng khi biết số hạng.

2.2. Hoạt động: (15- 17')

Bài 1/13:

- Gọi HS đọc YC bài.

- Bài yêu cầu làm gì?

- GV hướng dẫn mẫu: Để tính tổng của hai số hạng 7 và 3, ta lấy $7 + 3 = 10$, vậy tổng bằng 10, viết 10.

- GV gọi HS nêu tổng của hai số hạng 14 và 5.

- Làm thế nào em tìm ra được tổng?

- GV hướng dẫn tương tự với các số hạng: 20 và 30; 62 và 37.

- Nhận xét, tuyên dương.

Bài 2/13:

- Gọi HS đọc YC bài.

- Bài yêu cầu làm gì?

+ Trong bể có 6 con cá, trong bình có 3 con cá. Hỏi có tất cả bao nhiêu con cá?

+ Phép tính: $6 + 3 = 9$

- HS nhắc lại cá nhân, đồng thanh.

- HS lấy ví dụ và chia sẻ.

- HS chia sẻ:

+ Cho hai số hạng: 10 và 14.

+ Bài YC tính tổng.

+ Lấy $10 + 14$.

- HS lắng nghe, nhắc lại.

- 2 -3 HS đọc.

- 1-2 HS trả lời.

- HS lắng nghe.

- 1-2 HS trả lời.

- HS nêu.

Số hạng	7	14	20	62
Số hạng	3	5	30	37
Tổng	10	19	50	99

- GV hướng dẫn mẫu: a) 42 và 35 trên bảng. Lưu ý cho HS việc đặt tính các thẳng hàng. 42 +35 77 - YC HS làm bài vào vở ô li. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. Bài 3/13: - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Bài cho những số hạng nào? - Bài cho tổng nào? - GV nêu: Từ các số hạng đã cho, em hãy lập một phép tính cộng có tổng bằng 36 hoặc 44. - GV nhận xét, khen ngợi HS. 3. củng cố, dặn dò(2- 3') - Hôm nay em học bài gì? - Lấy ví dụ về phép tính cộng, nêu thành phần của phép tính cộng. - Nhận xét giờ học.	- 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS quan sát. - HS thực hiện làm bài cá nhân. 60 81 24 +17 +16 +52 77 97 76 - HS đổi chéo kiểm tra. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS trả lời: Các số hạng: 32, 23, 21, 4. - HS nêu: Tổng là: 36, 44. - HS hoạt động theo cặp, sau đó chia sẻ trước lớp. Lập phép tính : $32+4 = 36$ và $23 +21 = 44$ - HS nêu. - HS chia sẻ.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Ba ngày 24 tháng 9 năm 2024

Tiết 4:

TOÁN

SỐ BỊ TRỪ, SỐ TRỪ, HIỆU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.
- Tính được hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.

2. Năng lực:

- Năng lực tính toán, năng lực hợp tác.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác, cẩn thận học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Ti vi, máy tính, máy soi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2 – 3’): Tìm tổng của 32 và 65 , nêu thành phần phép tính đó GV: Từ phép cộng bài cũ rút ra phép trừ mối liên hệ giữa phép cộng và trừ	- Học sinh làm bảng con. - HS nhận xét
2. Khám phá: (10- 13’) - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.14: + Nêu bài toán? + Nêu phép tính? - GV nêu: 12 là số bị trừ, 2 là số trừ, 10 là hiệu; Phép tính $12 - 2$ cũng gọi là hiệu. - YCHS lấy thêm ví dụ về phép trừ, chỉ rõ các thành phần của phép trừ - Nhận xét, tuyên dương. - GV lấy ví dụ: <i>Cho số bị trừ 15: số trừ là 7 . Tính hiệu hai số đó.</i> + Bài cho biết gì? + Bài YC làm gì?	+ Trên cành có 12 con chim. Có hai con chim bay đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim? + Phép tính: $12 - 2 = 10$ - HS nhắc lại. - HS lấy ví dụ và chia sẻ. - HS chia sẻ: + Cho số bị trừ 15, số trừ 7

Bài 4/14 Học sinh đọc đề bài, tìm hiểu đề, tóm tắt làm vở - Bài yêu cầu làm gì? - Bài cho những số nào? - Số thuộc thành phần nào? Bài toán hỏi gì? Thuộc thành phần nào? Cần làm phép tính nào? - GV nêu: Từ các số đã cho, em hãy lập một phép tính. tính và trình bày lời giải - GV, thu vở đánh giá, nhận xét, khen ngợi HS. 3. Củng cố, dặn dò: - Hôm nay em học bài gì? - Lấy ví dụ về phép tính trừ, nêu thành phần của phép tính trừ, nêu cách tìm hiệu - Nhận xét giờ học.	- 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS trả lời:tính số xe còn lại. khi có 15 ô tô, 3 xe rời bến - HS nêu: số bị trừ 15,số trừ 3, tìm hiệu? - HS dựa theo sơ đồ lập phép tính trình bày vào vở, đại diện 1 học sinh trình bày. - HS nêu. - HS chia sẻ.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

Thứ Ba ngày 7 tháng 10 năm 2024

Tiết 6:

TOÁN

PHÉP CỘNG (QUA 10) TRONG PHẠM VI 20

BÀI HỌC STEM: THANH CỘNG TRONG PHẠM VI 20

THÔNG TIN VỀ BÀI HỌC

Lớp 2	Thời lượng: 02 tiết
Thời điểm tổ chức: Khi dạy môn Toán tuần 4 Bài 7: Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20	
Mô tả bài học:	

Nội dung Bài 7: **Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20** môn **Toán 2** có một số yêu cầu cần đạt như sau:

- Thực hiện được phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20, đồng thời phối hợp với các kỹ năng xé, cắt, dán,... để tạo ra dụng cụ Thanh cộng trong phạm vi 20.
- Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng ý tưởng làm thanh cộng. Sử dụng để sử dụng và dùng được nhiều lần.
- Phát triển năng lực toán học, tư duy logic; vận dụng kiến thức Toán học để giải quyết vấn đề.

Nội dung chủ đạo và tích hợp trong bài học:

Môn học		Yêu cầu cần đạt
Môn học chủ đạo	Toán	– Thực hiện được việc cộng nhẩm trong phạm vi 20.
Môn học tích hợp	Mĩ thuật	– Thực hành sáng tạo sản phẩm đồ dùng học tập. – Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. – Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản đồ dùng học tập.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Thực hiện được việc cộng nhẩm trong phạm vi 20.
- Thực hành sử dụng các vật liệu đơn giản để làm sản phẩm “Thanh cộng trong phạm vi 20”.
- Tự tin trình bày ý kiến khi thảo luận đề xuất ý tưởng và trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cách sử dụng sản phẩm của nhóm mình trước lớp.
- Hợp tác với các bạn để tạo sản phẩm và điều chỉnh, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.
- Có cơ hội hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của giáo viên

Phiếu đánh giá (trong phụ lục).

2. Chuẩn bị của học sinh (dành cho 1 nhóm)

STT	Thiết bị/Dụng cụ	Số lượng	Hình ảnh minh họa
-----	------------------	----------	-------------------

1	Giấy bìa cứng/giấy thủ công/giấy vở ô li	1 tờ	
2	Kéo/thước kẻ	1 cái	
3	Bút màu	1 hộp	

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (2 – 3’) Trò chơi “Ai tinh mắt?”	
– GV chiếu hình ảnh và hỏi HS: em hãy tìm 7 điểm khác biệt trong 2 bức tranh.	– HS trả lời.
Hoạt động 1: Quan sát và cho biết các bạn trong tranh đang thực hiện phép tính bằng những công cụ nào (2 – 3’)	
– GV yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết: hai bạn đang làm gì?	– HS trả lời: hai bạn đang làm toán.
– Hai bạn đang thực hiện phép tính nào?	– Hai bạn thực hiện phép tính cộng.
– Hai bạn thực hiện phép tính bằng những công cụ nào?	– HS trả lời: Bạn nữ thực hiện phép tính bằng cách đếm ngón tay; Bạn nam sử dụng que tính.
– Em sử dụng công cụ nào để thực hiện phép tính: $8 + 7 = ?$	– HS trả lời: đếm ngón tay, dùng que tính.
– GV dẫn dắt vào bài: ngoài những công cụ các em vừa nêu để thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 20 thì còn có cách nào nhanh hơn không?	– HS theo dõi.
– Cô còn 1 cách thực hiện phép tính này rất hay, đó là dùng thanh cộng trong phạm vi 20.	– HS theo dõi.
– GV phát phiếu học tập số 1 và yêu cầu HS hoàn thành.	– HS hoàn thành phiếu học tập số 1.

– GV mời HS chia sẻ kết quả phiếu học tập số 1.	– HS chia sẻ, ví dụ: + Đếm ngón tay: khó thực hiện với phép tính lớn hơn 10, do bàn tay chỉ có 10 ngón. + Que tính: cầm nhiều que tính nhỏ, dài có thể làm rơi, khi thực hiện phép tính phải đếm 3 lần. + Các hình hình học: chiếm nhiều diện tích mặt bàn khi sử dụng.
2. Khám phá kiến thức (Nghiên cứu kiến thức nền) (10 -12’) - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.26: + Nêu bài toán? + Bài cho biết gì? + Bài YC làm gì? + GV đưa phép tính $9 + 5 = ?$ + Để tính tổng phép tính trên, ta làm như thế nào? + GV cho HS so sánh 2 cách tính. + GV đưa thêm ví dụ: Cho phép tính $8 + 3 = ?$ Yêu cầu Hs thực hiện theo 2 cách rồi so sánh 2 cách. - GV chốt kiến thức: 2 cách + C1: đếm thêm + C2: Tách số (tách số thứ hai) 3. Thực hành, luyện tập (13 - 15’): <i>Bài 1/27:</i> - Gọi HS đọc YC bài.	- 2-3 HS trả lời. + Một lọ hoa có 9 bông hoa ỏ và một lọ hoa có 5 bông hoa vàng. Hỏi hai lọ hoa có tất cả bao nhiêu bông hoa? + 2 -3 Hs trả lời. + Bài yêu cầu đi tìm tổng số hoa của hai lọ. + Hs chia sẻ. (tính nhẩm hoặc tách tổng) + HS chia sẻ. + Hs thực hiện. - HS lắng nghe, nhắc lại.

- Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS dùng cách tách số tương tự trong phần trên để tính được: a. $9 + 6 = 15$ b. $8 + 6 = 14$. - YC HS làm bài vào vở ô li. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. *Chốt: Phép cộng (qua 10) các số trong phạm vi 20. <i>Bài 2/27:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - GV hướng dẫn mẫu: a. Yêu cầu HS nhẩm bằng cách đếm tiếp: 9, 10, 11. Vậy $9 + 2 = 11$ b. Yêu cầu HS dùng cách tách số để tính. ($9 + 3$ và $9 + 5$) c. HS có thể nhẩm để tính kết quả $8 + 3 = 11$, $8 + 5 = 13$, $9 + 4 = 13$. - YC HS làm bài vào vở ô li. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. *Chốt: cách cộng (theo 2 cách)	- 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS lắng nghe thực hiện,. - HS thực hiện làm bài cá nhân. - HS đổi chéo kiểm tra. - HS nêu. - 3 -5 HS chia sẻ.
TIẾT 2	
THỰC HÀNH – VẬN DỤNG (28 – 30’)	
Hoạt động 3: Đề xuất ý tưởng và cách làm thanh cộng trong phạm vi 20	
a) Thảo luận và chia sẻ ý tưởng làm thanh cộng trong phạm vi 20	
– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 – 6 HS.	– HS lập nhóm theo yêu cầu.

– GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ về ý tưởng làm thanh cộng trong phạm vi 20 theo các tiêu chí: + Có hai băng giấy, băng giấy ngắn ghi các số từ 1 đến 9, băng giấy dài ghi các số từ 1 đến 18. + Có kẹp để giữ hai băng giấy sao cho băng giấy ngắn có thể trượt trên băng giấy dài. + Sản phẩm chắc chắn, có thể sử dụng được nhiều lần.	– HS thảo luận nhóm.
– GV mời đại diện 1 hoặc 2 nhóm chia sẻ ý tưởng làm sản phẩm của nhóm mình. – GV có thể đặt một số câu hỏi gợi ý: + Thanh cộng gồm những bộ phận nào? + Em sử dụng vật liệu gì để làm? + ...	– Đại diện nhóm chia sẻ ý tưởng làm sản phẩm của nhóm mình. Ví dụ: + Thanh cộng gồm hai băng giấy: 1 băng giấy ngắn, 1 băng giấy dài; có kẹp để giữ hai băng giấy sao cho băng giấy ngắn có thể trượt trên băng giấy dài. + Nhóm dùng giấy ô li để làm băng giấy, dùng giấy bìa màu để làm kẹp. + ...
– GV mời các nhóm khác góp ý, bổ sung.	– Các nhóm khác bổ sung.
<i>b) Lựa chọn ý tưởng và đề xuất cách làm thanh cộng trong phạm vi 20</i>	
– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đề xuất giải pháp làm thanh cộng phù hợp với ý tưởng của nhóm đã lựa chọn.	– HS thảo luận nhóm (lựa chọn ý tưởng và giải pháp tạo thanh cộng)
– GV mời đại diện nhóm trình bày cách làm sản phẩm của nhóm mình.	– Đại diện nhóm trình bày cách làm thanh cộng, ví dụ: Nhóm làm hai băng giấy bằng cách cắt từ giấy ô li:

	băng giấy ngắn ghi các số từ 1 đến 9, băng giấy dài ghi các số từ 1 đến 18. Dùng giấy bìa màu, có đục hai lỗ để làm nẹp.
– GV mời các nhóm khác nhận xét, góp ý cho nhóm bạn	– Các nhóm góp ý, nhận xét cho nhóm bạn.
– GV phát phiếu học tập số 3 và yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 3.	– HS hoàn thành phiếu học tập số 3.
Hoạt động 4: Làm thanh cộng thông minh	
a) Lựa chọn dụng cụ và vật liệu	
– GV yêu cầu các nhóm lựa chọn dụng cụ và vật liệu phù hợp với phương án nhóm đã chọn.	– Nhóm lựa chọn vật liệu phù hợp với phương án nhóm đã chọn.
– Gợi ý cho HS thảo luận quy trình làm thanh cộng trong phạm vi 20, trang 22 sách Bài học STEM lớp 2.	– HS tham khảo trang 22 sách bài học STEM lớp 2
– GV mời các nhóm thực hành làm thanh cộng trong phạm vi 20.	– HS làm sản phẩm.
– Quá trình HS làm sản phẩm GV quan sát, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.	
– Khi các nhóm hoàn thành sản phẩm, GV yêu cầu các nhóm kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm theo các tiêu chí. GV lưu ý HS kiểm tra các số viết trên hai băng giấy đã đúng chưa? Thanh nẹp có chắc chắn không? Băng giấy ngắn có trượt được trên băng giấy dài không?	– HS kiểm tra và điều chỉnh sản phẩm theo tiêu chí.
– GV nhận xét đánh giá.	
Hoạt động 5: Sử dụng thanh cộng trong phạm vi 20 để thực hiện phép tính	
a) Cách sử dụng thanh cộng trong phạm vi 20	

– GV hướng dẫn HS cách sử dụng thanh cộng để thực hiện phép tính. Ví dụ, khi tìm kết quả phép tính $7 + 4$, ta thực hiện như sau: Di chuyển băng giấy ngắn sao cho số 1 trên băng giấy ngắn nối tiếp số 7 trên băng giấy dài. Quan sát thấy số 4 trên băng giấy ngắn thẳng số 11 trên băng giấy dài vậy: $7 + 4 = 11$. – Yêu cầu HS thử nghiệm trên sản phẩm vừa làm.	– HS thử nghiệm.
<i>b) Sử dụng thanh cộng trong phạm vi 20 để tìm kết quả các phép tính</i>	
– GV yêu cầu HS sử dụng thanh cộng trong phạm vi 20 để tìm kết quả các phép tính ở trang 23 sách Bài học STEM lớp 2.	– HS làm bài.
– Các nhóm luân phiên tìm kết quả của các phép tính bằng thanh cộng trong phạm vi 20 (vừa thao tác vừa thuyết trình cách sử dụng thanh cộng để cộng). Sau đó GV chiếu đáp án để HS đối chiếu kết quả của nhóm.	– HS thực hiện tìm kết quả.
<i>c) Trưng bày giới thiệu sản phẩm</i>	
– GV mời các nhóm trưng bày sản phẩm của nhóm mình.	– HS trưng bày sản phẩm.
– GV mời các nhóm khác tham quan sản phẩm của nhóm bạn.	– Các nhóm khác thăm quan sản phẩm của nhóm bạn
– GV mời các nhóm giới thiệu sản phẩm. Khi giới thiệu cần nêu: cấu tạo sản phẩm, cách làm, chất liệu của từng bộ phận, cách sử dụng thanh cộng để tìm kết quả của phép tính, đưa ví dụ về cách sử dụng thanh cộng để tìm ra kết quả phép tính cộng trong phạm vi 20.	– Các nhóm giới thiệu sản phẩm.
– GV yêu cầu HS khi tham quan nhóm bạn, sử dụng phiếu đánh giá để đánh giá sản phẩm của nhóm bạn.	– HS hoàn thành phiếu đánh giá ở trang 23.

– GV nhận xét, đánh giá. Khen ngợi nhóm HS tích cực tham gia hoạt động, nhận được nhiều hình biểu tượng mặt cười và động viên các nhóm chưa làm tốt để lần sau cố gắng hơn.	
– GV nhận xét đánh giá giờ học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Hai ngày 14 tháng 10 năm 2024

Tiết 6:

TOÁN

BẢNG CỘNG (QUA 10)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Hình thành được bảng cộng (qua 10) qua việc hệ thống lại các phép cộng (qua 10) đã học thành một bảng.
- Vận dụng bảng cộng (qua 10) vào tính nhẩm, giả các bài tập hoặc bài toán thực tế liên quan đến phép cộng (qua 10)

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.
- Năng lực tư duy, lập luận toán học.

3. Phẩm chất:

- Rèn tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Thẻ vị, máy tính, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 - 5’): - Tính: $9 + 4 =$ $8 + 5 =$ - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS làm b/c - HS đọc bài làm, nhận xét. - HS nêu cách làm.

2. Khám phá (13 - 15’):

- GV nêu đưa ra câu chuyện Mai và Rô-bốt cùng hoàn thành các phép cộng (qua 10) đã học ($9 + 2$; $8 + 6$; $7 + 5$; $6 + 6$) (GV cho 2 HS đóng vai Mai và Rô – bốt để hỏi đáp)
+ Mai: Bạn hãy nêu cho tớ cách tính $9 + 2$?
+ Rô-bốt: Tách $2 = 1 + 1$; lấy $9 + 1 = 10$ rồi cộng thêm 1 được kết quả là 11. Nhờ bạn nêu cho tớ cách tính $8 + 6$?
+ Mai: Tách $6 = 2 + 4$; lấy $8 + 2 = 10$ rồi cộng thêm 4 được kết quả là 14.
+ Mai: (hỏi lớp) nêu giúp mình cách tính $7 + 5$ và $6 + 6$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV hỏi: Các phép cộng ($9 + 2$; $8 + 6$; $7 + 5$; $6 + 6$) có đặc điểm chung nào?

?Hãy hoàn thành luôn bảng cộng (qua 10).

GV yêu cầu HS nêu cách tính $9 + 3$; $7 + 5$; $5 + 7$; $3 + 9$

GV gọi HS nối tiếp nêu các phép cộng trong bảng cộng (qua 10).

**GV chốt cách tính các phép cộng (qua 10).*

3. Thực hành, luyện tập (15 - 17’):

Bài 1/33: SGK

- Gọi HS đọc đề bài.

? Đề bài yêu cầu gì?

? Thế nào là tính nhẩm?

- GV yêu cầu HS nhẩm nhanh kết quả của các phép tính.

- GV gọi HS nối tiếp nêu kết quả của từng phép tính.

? Hãy nêu cách nhẩm của phép tính $9 + 5$; $7 + 6$

- HS theo dõi.

- HS trả lời.

- HS: là các phép cộng có kết quả lớn hơn 10.

- HS làm việc cá nhân.

- HS nêu.

- HS nêu nối tiếp (2 lượt)

- HS đọc.

- HS trả lời.

-HS làm việc cá nhân.

- 2lượt HS nêu.

- HS nêu.

- GV nhận xét, tuyên dương. * Chốt: Các phép cộng trong bảng cộng (qua 10) <i>Bài 2/34:</i> -GV tổ chức thành trò chơi “Tìm cá cho mèo”: - GV nêu tên trò chơi; phổ biến cách chơi, luật chơi và chia đội. - GV thao tác mẫu. - GV phát đồ dùng cho các nhóm; YC các nhóm thực hiện. - GV nhận xét, khen ngợi HS <i>Chú ý: Ở bài này GV có thể đưa thêm các phép cộng (qua 10) để cho HS luyện tập thêm.</i> *Chốt: Cộng qua 10 <i>Bài 3/34:</i> - GV gọi HS đọc đề bài. - GV: Đề bài cho ta nhiều đèn lồng. Trên mỗi đèn lồng đều ghi một phép tính cộng thuộc bảng cộng (qua 10). ? Đề bài yêu cầu gì? - GV yêu cầu HS quan sát tranh và nhằm kết quả của phép tính ở mỗi đèn lồng. - GV yêu cầu HS nối tiếp nêu lần lượt kết quả các phép tính ghi ở từng đèn lồng. ? Các đèn lồng nào ghi phép tính có kết quả bằng nhau? Và bằng bao nhiêu? ? Trong bốn đèn lồng màu đỏ, đèn lồng nào ghi phép tính có kết quả lớn nhất? ? Đèn lồng ghi phép tính có kết quả bé nhất? - GV nhận xét, tuyên dương. *Chốt: Phép cộng qua 10, so sánh số có hai chữ số	- HS nghe. - HS lắng nghe. - HS nghe. - HS quan sát hướng dẫn. - HS thực hiện chơi theo - HD đọc. - HS nghe. - HS trả lời - HS quan sát tranh. - HS nêu. (2 lượt) - - HS trả lời: $7 + 5$; $4 + 8$; $9 + 3$ có kết quả bằng nhau (bằng 12). + Đèn lồng ghi phép tính $8 + 7$ có kết quả lớn nhất. + Đèn lồng ghi phép tính $6 + 5$ có kết quả bé nhất.
---	---

3. Vận dụng, trải nghiệm(2 - 3’): - GV tổ chức cho HS chơi “ Xì điện ” nối tiếp nêu các phép tính trong bảng cộng qua 10. - Hôm này chúng ta học bài gì? - Nhận xét giờ học.	- HS chơi. -HS nêu.
--	----------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Ba ngày 29 tháng 10 năm 2024

Tiết 4:

TOÁN **BẢNG TRỪ (QUA 10)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- HS biết bảng trừ (qua 10) trong phạm vi 20. Biết cách tìm kết quả phép trừ dựa vào bảng trừ (qua 10) trong phạm vi 20.
- Thực hiện được các phép tính 11, 12, 13,...18 trừ đi một số.

2. Năng lực:

- Năng lực tính toán, năng lực giao tiếp, hợp tác.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác, cẩn thận học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: (2-3’) - Tính: $8 + 4 =$ $9 + 6 =$? Em vận dụng kiến thức nào để tính?	- HS làm b/c - HS đọc bài làm, nhận xét. ? bảng cộng (qua10).
2. Khám phá: (10 – 12’) - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.47:	- 2-3 HS trả lời.

+ Gọi 1 HS đọc lại hộp thoại? + YC Hs hoạt động nhóm 2 (đóng vai Minh Và Robot), chia sẻ kết quả + Em hãy so sánh các số bị trừ trong các phép tính trên với 10? - GV nêu: Các phép tính có số bị trừ lớn hơn 10 ta gọi là phép trừ (qua 10) - YCHS lấy thêm ví dụ về phép trừ có số bị trừ lớn hơn 10 - Nhận xét, tuyên dương. - GV cho hs thi đua lấy ví dụ và nêu kết quả - GV: Để thực hiện được tất cả các phép tính qua 10 chúng ta cùng bạn Minh và Robot hoàn thành bảng trừ (qua 10) dưới đây. + GV hướng dẫn HS đọc bảng trừ và tìm số thích hợp điền vào dấu “ ? ” + Gv cho hs làm việc cá nhân + Cho HS nêu SBT ở từng cột + Cho HS đọc lại bảng trừ theo cột - Gv chốt: Lớp mình đã cùng 2 bạn nhỏ hoàn thành bảng trừ (qua 10), để vận dụng bảng trừ chúng ta vào hoạt động tiếp theo nhé. 2.2. Hoạt động: <i>Bài 1/48: Tính nhẩm</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Cho hs làm bài cá nhân + Gọi hs nêu kq bài làm (mỗi hs nêu kết quả 1 cột)	+ HS hoạt động N2 và chia sẻ trước lớp (1 bạn sẽ đọc phép tính, 1 bạn nêu kết quả của phép tính) $11 - 4 = 7$ $13 - 5 = 8$ $12 - 3 = 9$ $14 - 8 = 6$ + Lớn hơn 10 - 1- 2 HS nhắc lại. - HS lấy ví dụ và chia sẻ. - 2 nhóm: 1 nhóm nêu phép tính, 1 nhóm nêu kq. Nếu nêu đúng kq thì đc hỏi lại nhóm bạn. - HS lắng nghe - HS tự điền vào bảng - chia sẻ trước lớp - SBT cột 1 là 11; cột 2 là 12; cột 3 là 13; cột 4 là 14;..... - HS nối tiếp đọc - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. + HS nêu kq và TLCH
--	---

- Nhận xét, tuyên dương. <i>Bài 2/48:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - GV gợi ý: Để tìm được ông sao có kết quả nhỏ nhất chúng ta phải làm gì? - YC HS làm bài cá nhân. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. <i>Bài 3/48:Số?</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Em hiểu yc của bài như thế nào? - GV cho HS làm bài tgheo nhóm 4: Phát cho mỗi nhóm 5 phong bì để điền số. Sau đó lên chia sẻ trước lớp - GV nhận xét, khen ngợi HS. 3. Củng cố, dặn dò (2 -3’): - Nhận xét giờ học.	- 2-3 HS đọc - HS nêu. + Tìm kết quả của các phép trừ ghi trên mỗi ông sao + Đánh dấu vào ông sao có kq bé nhất (11 – 5) - 2 -3 HS đọc - 1-2 HS trả lời. - HS quan sát và TLCH: Tìm số điền vào dấu “ ? ” để phép trừ có kq là 7 - HS thực hiện làm bài theo N4. - HS chia sẻ, trao đổi cách làm bài. - HS lắng nghe.
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Năm ngày 31 tháng 10 năm 2024

Tiết 3:

TOÁN

GIẢI BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN MỘT SỐ ĐƠN VỊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được bài toán về nhiều hơn một số đơn vị.
- Biết cách giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị.
- Vận dụng giải các bài toán về nhiều hơn một số đơn vị liên quan đến ý nghĩa thực hiện của phép tính.

- Năng lực tính toán, năng lực giao tiếp, hợp tác.

- ### 3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác, cẩn thận học tập.

- Ti vi, máy tính, máy soi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2 – 3’) - GV yêu cầu HS hát tập thể 2. Khám phá: (10 – 12’) - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr 50: + Gọi HS đọc bài toán? - HDHS tìm hiểu đề bài: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - HDHS viết tóm tắt bài toán: Hoa đỏ: 6 bông Hoa vàng nhiều hơn hoa đỏ: 3 bông Hoa vàng:.....bông? - HDHS quan sát hình vẽ để biết hoa vàng có bao nhiêu bông? Làm thế nào em biết hoa vàng có 9 bông? - YCHS nêu phép tính và trình bày bài giải - Nhận xét, tuyên dương. - GV: Vậy số hoa vàng nhiều hơn 3 bông nên ta lấy số hoa đỏ là $6 + 3$. Đây chính là bài toán về nhiều hơn một số đơn vị. - GV lấy ví dụ về nhiều hơn và yêu cầu hs trả lời miệng (nêu phép tính). + Để giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị ta làm phép tính gì?	- HS hát + vận động theo lời bài hát - 2-3 HS trả lời. + 1 HS đọc. + HS TLCH hướng dẫn + Có 9 bông. Đếm thêm + HS làm bảng con + HS lắng nghe

- GV chốt cách làm bài toán về nhiều hơn một số đơn vị 2.2. Hoạt động(15 – 17') <i>Bài 1/50:</i> - Gọi HS đọc YC bài. + Gọi HS đọc bài toán? _ HDHS tìm hiểu đề bài: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + YCHS nêu tóm tắt bài toán - YC hs làm bài cá nhân: điền số vào dấu “?” + Đổi chéo vở kiểm tra bài bạn + Đọc bài và chia sẻ cách làm bài trước lớp - Nhận xét, tuyên dương. <i>Bài 2/50:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - (Hướng dẫn tương tự bài 1 nhưng yc cao hơn: nêu, viết số và dấu phép tính thích hợp vào ô có dấu “?”) - YC HS làm bài vào vở ô li. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. 3. Củng cố, dặn dò(2 – 3') - Hôm nay em học bài gì? + Đề giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị ta làm phép tính gì? - Nhận xét giờ học.	- HS lắng nghe, nhắc lại. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS lắng nghe. - 1-2 HS trả lời. - HS làm bài. (HS có thể điền vào dấu “?” hoặc viết cả bài giải vào vở ô li. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS quan sát. - HS thực hiện làm bài cá nhân. - HS đổi chéo kiểm tra. - HS nêu. - HS chia sẻ.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Hai ngày 18 tháng 11 năm 2024

Tiết 4:

TOÁN

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Thực hiện được phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số.
 - + Đặt tính theo cột dọc.
 - + Tính từ phải sang trái ,lưu ý khi cộng hai số đơn vị thì nhớ 1 chục vào số chục của số hạng thứ nhất.
- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng đã học.

2. Năng lực:

- Năng lực tính toán, tư duy logic.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2 – 3’) - GV cho HS hát tập thể 2. Khám phá (13 – 15’) - GV tổ chức cho HS đóng vai các nhân vật trong câu chuyện: kiến, ve sầu, rô bốt - Sau khi được ve sầu trả 7 hạt gạo thì lúc này số gạo của kiến nhiều hơn hay ít hơn? - Vậy muốn biết sau khi ve sầu trả gạo thì kiến có bao nhiêu hạt gạo ta thực hiện phép tính gì? Nêu phép tính - GV hướng dẫn HS cộng: + Số 35 gồm mấy chục và mấy đơn vị?	- HS hát kết hợp vận động - Nhiều hơn - Phép tính cộng, lấy $35 + 7$ - 3 chục và 5 đơn vị - HS thực hiện

Vậy cô có 3 bó que tính (mỗi bó có 1 chục que tính) và 5 que tính rời. GV yêu cầu HS thực hiện lấy que tính. + Số 7 gồm mấy chục và mấy đơn vị? Vậy cô có 7 que tính rời. GV yêu cầu HS thực hiện lấy que tính. + Cô lấy các que tính rời gộp với nhau, lấy 5 que tính gộp với 7 que tính thì được bao nhiêu que tính? + 12 que tính cô bó thành bó 1 chục thì thừa ra mấy que tính? + Viết số 2 ở hàng đơn vị, cô gộp 1 bó que tính với 3 bó que tính thì được mấy bó? Viết số 4 ở hàng chục. + Vậy bạn ve sầu có 42 hạt gạo. - GV hướng dẫn kĩ thuật đặt tính rồi tính phép cộng (có nhớ) + Đặt tính theo cột dọc(sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục) + Tính từ phải sang trái ($5+7=12$ viết 2 nhớ 1; 3 thêm 1 bằng 4 viết 4 ; $35 + 7 = 42$) 3. Luyện tập (15 -17') Bài 1/72: Tính - GV gọi 2 HS lên bảng làm bài + dưới lớp HS làm vào vở. - HS nhận xét - GV nhận xét và tuyên dương *Chốt: Khi thực hiện tính ta cần lưu ý điều gì? Bài 2/72: Đặt tính rồi tính	- 0 chục và 7 đơn vị - HS thực hiện - HS thực hiện gộp nêu kết quả bằng 12 - 2 que tính - 4 bó - HS làm bài - Tính từ phải sang trái - HS đọc - HS lên bảng làm bài + Đặt tính theo cột dọc
--	---

- GV gọi HS đọc yêu cầu bài - GV gọi 2 HS lên bảng làm bài + dưới lớp HS làm vào vở. - HS nhận xét - GV nhận xét và cho HS đổi chéo vở kiểm tra , tuyên dương *Chốt: Khi thực hiện đặt tính rồi tính ta cần ta cần lưu ý điều gì? Bài 3/72 - GV gọi HS đọc yêu cầu bài. * Chốt: GV hỏi chum nào đựng nhiều nước nhất ? Vì sao 3.Củng cố dặn dò (2 - 3') - GV nhận xét giờ học - GV nhắc HS chuẩn bị bài sau.	+ Tính từ phải sang trái - HSTL chum B. Vì chum A =68l Chum B=70l Chum C=61l
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Hai ngày 2 tháng 12 năm 2024

Tiết 6:

TOÁN

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số.
- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ thông qua tranh vẽ, hình ảnh.
- Giải bài toán bằng một phép tính liên quan.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.
- Năng lực tư duy, lập luận toán học.

3. Phẩm chất:

- Rèn tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi, que tính.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2 – 3’) - GV cho HS hát, vận động tại chỗ - GV giới thiệu nội dung bài 2. Khám phá (13 – 15’): - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.83: + Nêu lời của từng nhân vật trong tranh? + Để tìm số bơ ta làm như thế nào? + Nêu phép tính? - GV nêu: $32 - 7$ + Đây là phép trừ số có mấy chữ số trừ số có mấy chữ số? - Yêu cầu HS lấy bộ đồ dùng Toán 2. - Lấy que tính thực hiện $32 - 7$ - Yêu cầu 1, 2 HS nêu cách làm. - Ngoài cách làm đó ta thực hiện cách nào để nhanh và thuận tiện nhất? - Khi đặt tính trừ theo cột dọc ta chú ý điều gì? - Khi thực hiện phép tính trừ theo cột dọc ta chú ý điều gì? - GV chốt kiến thức. 3. Hoạt động: (13 - 15’) <i>Bài 1/84</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Hướng dẫn HS làm bài - Gọi HS làm bài - Nhận xét, tuyên dương. <i>Bài 2/84</i> - Gọi HS đọc YC bài.	- 2-3 HS trả lời. + $32 - 7$ + Số có hai chữ số trừ số có một chữ số. - HS theo dõi. - Thực hiện: Đặt tính rồi tính. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS làm bài tập. - HS báo cáo kết quả

- Ôn tập, củng cố kiến thức về phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số; đồng thời ôn tập về thực hiện tính toán trường hợp có hai dấu phép tính. vận dụng vào giải các bài toán thực tế.

2. Năng lực:

- Năng lực tính toán, năng lực hợp tác.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác, cẩn thận học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2- 3') - GV cho HS hát tập thể GV giới thiệu nội dung bài 2. Luyện tập (30 – 32') <i>Bài 1/92: Đặt tính rồi tính</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Nêu lại cách đặt tính phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số - YC HS tự làm bài vào vở - Tổ chức cho HS chữa bài - Nhận xét, tuyên dương HS. <i>*Chốt: Khi nào 1 phép trừ sẽ được gọi là trừ có nhớ?</i> <i>Bài 2/93: Tìm chữ số thích hợp</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp. <i>Bài 3/93:</i>	- HS hát tập thể - 2 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS nêu, NX - HS làm bài cá nhân, - 4 HS chữa bài trước lớp, chia sẻ bài, NX - HS nêu - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS tự làm bài bằng bút chì vào sách. - HS chia sẻ cách tính để điền số

- Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - HD HS tóm tắt bằng lời (sơ đồ) - GV cho HS làm bài vào vở ô li. - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - GV nhận xét, khen ngợi HS. - Lưu ý câu lời giải và đơn vị Bài 4/93: <i>Chọn kết quả đúng</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - YC HS tự làm bài vào SGK ? Nêu thứ tự thực hiện các PT trong bài? Bài 5/93: <i>Tìm cá cho mỗi con mèo (nói)</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - YC HS tự làm bài vào SGK - Tổ chức cho HS chữa bài (Có thể tổ chức cho HS chữa bằng trò chơi: Nối tiếp sức) - Khen ngợi những HS tìm cá cho mèo đúng. 3. Củng cố, dặn dò (2 – 3’): - Nhận xét giờ học.	- 2 HS đọc đề - 1-2 HS trả lời. - HS nêu tóm tắt - HS tự làm bài cá nhân, 1HS làm trên bảng giải + chia sẻ cách làm. - Lớp NX, chữa bài (nếu có) - HS đổi chéo kiểm tra - 2 HS đọc đề - 1-2 HS trả lời. - HS khoanh vào sách, 2 HS báo cáo, chia sẻ cách làm. - HS nêu, NX - 2 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS làm bài cá nhân. - HS báo cáo (HS chơi) - HS đổi chéo SGK kiểm tra. - HS lắng nghe. Lắng nghe
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Ba ngày 17 tháng 12 năm 2024

Tiết 4:

TOÁN

ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được điểm, đoạn thẳng thông qua hình ảnh trực quan.
- Đọc tên điểm, đoạn thẳng cho trước.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: (2 – 3’) - Đưa ra sợi dây, mời 2 HS lên cầm 2 đầu sợi dây và kéo căng. - Đưa ra thước thẳng - Cho HS quan sát, dẫn dắt vào bài. 2. Khám phá: (13 – 15’) - GV cho HS mở sgk/tr.98: - YC HS quan sát tranh, dựa vào nội dung bóng nói của Mai, thảo luận nhóm theo bàn để trả lời các câu hỏi sau: + Trên bảng có những gì? + Đầu mỗi chiếc đinh là gì? Dây treo cờ là gì? - Mời một số HS nêu câu trả lời của mình. - Chỉ vào hình và chốt: Đầu mỗi chiếc đinh là 1 điểm, dây treo cờ là một đoạn thẳng. - Vẽ các điểm A, B, C lên bảng, HD HS cách ghi tên điểm, các đọc tên điểm. - Nói điểm B với điểm C.	- Quan sát - HS thảo luận nhóm theo bàn, trả lời câu hỏi. - 2 HS trả lời. - Lớp NX - HS đọc tên các điểm.

- YC HS dựa vào lời của Rô-bốt và cho biết ta được gì? - Chốt kiến thức: Nối điểm B với điểm C ta được đoạn thẳng BC. - Chỉ vào hình, YC HS đọc tên đoạn thẳng. - YC 2 HS lên kéo căng sợi dây: + Mỗi đầu sợi dây là gì? + Sợi dây là gì? - YC HS hoạt động nhóm 4 tìm các ví dụ về điểm, đoạn thẳng. - Mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. - NX, tuyên dương HS. 3. Thực hành, luyện tập (15 – 17') <i>Bài 1/98:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - YC HS hoạt động nhóm đôi: Từng HS kể cho bạn theo YC của bài, đồng thời góp ý sửa cho nhau. - Mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. <i>*Chốt: Nhận biết điểm và đoạn thẳng.</i> <i>Bài 2/99: Làm tương tự bài 1.</i> <i>Bài 3/99:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - YC HS quan sát mẫu và HD: + Để đo độ dài đoạn thẳng AB, ta đặt thước như thế nào? + Điểm A trùng vạch số nào? Điểm B trùng vạch số nào? + Đoạn thẳng AB dài mấy cm? + YC HS đo và ghi độ dài các đoạn thẳng trong sách Toán.	- 2 -3 HS trả lời - 1-2 HS trả lời. - HS đọc tên hình. - HS trả lời - Làm việc theo nhóm, tìm ngay trong lớp học các ví dụ về điểm, đoạn thẳng. - 2 -3 nhóm trình bày, lớp NX. - 2 HS đọc - Các nhóm làm việc - 2 nhóm trình bày. Lớp NX, góp ý.
--	--

- YC HS đổi vở, kiểm tra chéo bài làm của nhau. - Mời HS nêu kết quả trước lớp. *Chốt: Cách đo độ dài đoạn thẳng. 3. Củng cố, dặn dò: (2 – 3’) - Hôm nay em học bài gì? - Lấy ví dụ về điểm, đoạn thẳng trong lớp, ở nhà, ... - Nhận xét giờ học.	- 2 HS đọc. - Quan sát, trả lời câu hỏi. - Thực hành đo độ dài các đoạn thẳng. - Kiểm tra và góp ý cho nhau.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Hai ngày 30 tháng 12 năm 2024

Tiết 6:

TOÁN

NGÀY - THÁNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày tròn tháng thông qua tờ lịch tháng.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.
- Năng lực tư duy, lập luận toán học.

3. Phẩm chất:

- Rèn tính cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Máy tính, ti vi, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: (2 – 3’) - GV yêu cầu HS hát, vận động - Dẫn dắt, giới thiệu vào bài. 2. Khám phá: (13 – 15’)	- HS hát kết hợp vận động theo lời bài hát.. - 2-3 HS trả lời.

- GV hỏi về các ngày lễ đã diễn ra(HS nêu cả ngày tháng) - GV cho HS quan sát tờ lịch tháng, GT cách đọc và tìm hiểu tờ lịch tháng. VD: GV treo tờ lịch tháng 11 và hỏi: - Tháng 11 có bao nhiêu ngày? - Ngày đầu tiên của tháng 11 là ngày nào? Đó là thứ mấy? - Ngày Nhà giáo Việt nam 20 tháng 11 là ngày thứ mấy trong tuần?- Trong lớp mình có bạn nào có ngày sinh trong tháng 11? Sinh hật của em là ngày nào? -GV: kết luận về những thông tin được ghi trên lịch tháng, cách xem lịch tháng. 3. Hoạt động: (15 – 17’) <i>Bài 1/116:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? GV HD HS cách làm YC HS kể ngày sinh của các con vật theo thứ tự từ sớm đến muộn nhất - Nhận xét, tuyên dương. <i>Bài 2 và 3/117</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - YC HS trả lời các câu hỏi trong SGK - GV đưa ra 1 số câu hỏi khác - Chia HS làm 4 nhóm YC HS ghi ngày tháng năm sinh của từng bạn trong nhóm và sắp xếp theo thứ tự từ sớm nhất đến muộn nhất - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.	- Tháng 11 có 30 ngày - ngày 1 thứ hai - Ngày thứ bảy trong tuần - HS chia sẻ - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS thực hiện - HS thực hiện - HS nhắc lại tên bài. - HS nêu cảm nhận của mình. - HS lắng nghe
---	--

- Đánh giá, nhận xét bài HS. 3. củng cố, dặn dò (2 – 3’): - Hôm nay, em đã học những nội dung gì? - GV tóm tắt nội dung chính. - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS	
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Thứ Hai ngày 20 tháng 1 năm 2025

Tiết 6:

TOÁN PHÉP NHÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nhận biết khái niệm ban đầu về phép nhân; đọc, viết phép nhân.
- Tính được phép nhân đơn giản dựa vào tổng các số hạng bằng nhau.
- Vận dụng vào giải một số bài toán có liên quan đến phép nhân.

2. Năng lực:

- Năng lực tính toán, tư duy logic.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: (2 – 3’) - GV cho HS nghe hát 2. Khám phá: (13 – 15’) a- GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.4: + Nêu bài toán?	- HS lắng nghe - 2-3 HS trả lời. + Mỗi đĩa có 2 quả cam. Hỏi 3 đĩa như vậy có tất cả mấy quả cam?

+ Nêu phép tính? - GV nêu: Mỗi đĩa có 2 quả cam. 3 đĩa như vậy có tất cả 6 quả cam. Phép cộng $2 + 2 + 2 = 6$ ta thấy 2 được lấy 3 lần nên $2 + 2 + 2 = 6$ có thể chuyển thành phép nhân: $2 \times 3 = 6$. - GV viết phép nhân: $2 \times 3 = 6$. - GV giới thiệu: dấu x. b) GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự câu a viết được phép nhân $3 \times 2 = 6$. c) Nhận xét: $2 \times 3 = 2 + 2 + 2 = 6$ $3 \times 2 = 3 + 3 = 6$ - Kết quả phép tính 2×3 và 3×2 như thế nào với nhau? - GV lấy ví dụ: + <i>Chuyển phép cộng $3 + 3 + 3$ thành phép nhân?</i> + chuyển phép nhân $4 \times 3 = 12$ thành phép cộng? - Nêu cách tính phép nhân dựa vào tổng các số hạng bằng nhau? - GV chốt ý, tuyên dương. 2.2. Thực hành, luyện tập (15 – 17’) <i>Bài 1/5:</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - GV hướng dẫn mẫu: câu a) Ta thực hiện phép cộng. Chuyển phép cộng thành phép nhân. Câu b) Từ phép nhân đã cho ta chuyển thành phép cộng các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả. Sau đó rút ra kết quả của phép nhân.	+ Phép tính: $2 + 2 + 2 = 6$. - HS lắng nghe - HS đọc: Hai nhân ba bằng sáu. - HS nhắc lại. - HS đọc lại nhiều lần phép tính. - HS trả lời: Bằng nhau $2 \times 3 = 3 \times 2 = 6$ - HS trả lời: $3 \times 3 = 9$ - 1-2 HS trả lời: $4 + 4 + 4 = 12$ - HS nêu: Để tính phép nhân ta chuyển phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau rồi tính kết quả. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS quan sát, lắng nghe.
---	---

- Năng lực tính toán, tư duy logic.
- Năng lực đặt và giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác, cẩn thận học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Ti vi, máy tính, máy soi. Bộ đồ dùng Toán 2.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (2 – 3’): - GV yêu cầu HS đọc bảng nhân 2 - GV nhận xét. 2. Dạy bài mới: 2.1. Khám phá (13 – 15’): - GV cho HS quan sát tranh sgk/tr.12: *GV cho HS trải nghiệm trên vật thật - Cho học sinh lấy 1 tấm bìa có 5 chấm tròn lên bàn. - Gắn 1 tấm bìa có 5 chấm tròn lên bảng và hỏi: Có mấy chấm tròn? - Năm chấm tròn được lấy mấy lần? - 5 được lấy 1 lần nên ta lập được phép nhân: $5 \times 1 = 5$ (đưa lên màn hình). - Hướng dẫn học sinh lập các phép tính còn lại tương tự như trên. Sau mỗi lần học sinh lập được phép tính mới giáo viên đưa phép tính lên màn hình để có bảng nhân 5. *Nhận xét: - Thêm 5 vào kết quả $5 \times 2 = 10$ ta được kết quả của phép nhân $5 \times 3 = 15$ - Chỉ màn hình và nói: Đây là bảng nhân 5. các phép nhân trong bảng đều có một thừa số là 5, thừa số còn lại lần lượt là các số 1, 2, 3,..., 10.	- HS đọc thuộc bảng nhân 2. - HS nhận xét, bổ sung *HS trải nghiệm trên vật thật - Quan sát hoạt động của giáo viên và trả lời có 5 chấm tròn. - Học sinh trả lời. - Năm chấm tròn được lấy 1 lần. - Học sinh đọc phép nhân: 5 nhân 1 bằng 5. - Lập các phép tính 5 nhân với 3, 4, 5, 6,..., 10 theo hướng dẫn của giáo viên. - Nghe giảng.

- Học sinh đọc bảng nhân 5 vừa lập được +Sau đó cho học sinh thời gian để tự học thuộc lòng bảng nhân này. - Xoá dần bảng cho học sinh học thuộc lòng. - Tổ chức cho học sinh thi đọc thuộc lòng bảng nhân 5. 2.2. Hoạt động (15 – 17’): <i>Bài 1/13: Số?</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - GV HDHS thực hiện lần lượt các YC: - Bảng có mấy hàng? Muốn điền được hàng kết quả làm như thế nào? - Y/c hs làm sgk. - Nhận xét, tuyên dương HS. *Chốt: Em vận dụng kiến thức nào để điền số? <i>Bài 2/13: Tìm cánh hoa cho ong đậu?</i> - Gọi HS đọc YC bài. - Bài yêu cầu làm gì? - Nhìn vào các hình ảnh trong sách con biết được điều gì? - Y/c hs làm SGK - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. - Đánh giá, nhận xét bài HS. *Chốt: Muốn tìm chính xác cánh hoa của mỗi chú ong cần dựa vào bảng nhân mấy? 3. Củng cố, dặn dò (2 – 3’): - Hôm nay em học bài gì? - Đọc thuộc lòng bảng nhân 5. - Nhận xét giờ học.	- Tự học thuộc lòng bảng nhân 5. - Đọc bảng nhân. - Thi đọc thuộc bảng nhân 5. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS thực hiện làm bài cá nhân. - HS đọc bài làm. - 2 -3 HS đọc. - 1-2 HS trả lời. - HS thực hiện làm bài cá nhân. - HS đọc bài làm, chia sẻ. - hs trả lời HS chia sẻ. 2 – 3HS đọc
---	---

IV: ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

